Chuyên đề:

GIÁ TRỊ ĐỊA CHẤT, CẢNH QUAN VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC TRONG VÙNG CÔNG VIÊN ĐỊA CHẤT LẠNG SƠN

Biên tập: Đ/c Nguyễn Minh Chuyển, Chuyên viên Phòng Nghiệp Vụ, BQL CVĐC Lạng Sơn

I. KHÁI QUÁT CHUNG

1. Khái niệm, mục tiêu của CVĐC

Công viên Địa chất (CVĐC, tiếng Anh: geopark) là một khu vực có ranh giới địa lý và hành chính rõ ràng, liền khoảnh, trong đó chứa đựng một tập hợp các di sản địa chất có giá trị khoa học, giáo dục, thẩm mỹ và kinh tế, cảnh quan, đa dạng sinh học, khảo cổ, lịch sử, văn hóa, xã hội... Tất cả các giá trị đó cùng được nghiên cứu, đánh giá, bảo tồn và khai thác, sử dụng một cách bền vững. CVĐC cần có diện tích đủ lớn để có thể đóng góp đáng kể vào công cuộc phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đặc biệt là dưới hình thức phát triển du lịch và các dịch vụ phụ trợ khác.

CVĐC có 3 mục tiêu và 16 lĩnh vực ưu tiên[1], gồm:

- Bảo tồn các DSĐC và các giá trị khác trong khu vực như di sản văn hóa, lịch sử, khảo cổ, cảnh quan, môi trường, hệ sinh thái...

- Góp phần quảng bá, nâng cao nhận thức cộng đồng về vai trò và giá trị của các khoa học Trái Đất, khuyến khích học tập và nghiên cứu về các khoa học Trái Đất, giáo dục lòng yêu thiên nhiên và trách nhiệm công dân trong việc bảo vệ và khai thác bền vững các DSĐC, góp phần vào chiến lược nâng cao dân trí, phát triển kinh tế và văn hóa của địa phương và đất nước.

- Thúc đẩy các hoạt động phát triển kinh tế bền vững, hài hòa gắn với bảo tồn như tham quan du lịch và các hoạt động kinh tế phụ trợ khác, tạo nguồn thu nhập bổ sung cho các cộng đồng địa phương.

Một số khái niệm sử dụng trong bài:

- *Địa chất:* là khoa học nghiên cứu tìm hiểu cấu trúc vật liệu, đặc điểm vật lý, động lực và quá trình hoạt động hình thành Trái Đất, bao gồm nghiên cứu về nguồn gốc của sự sống trên hành tinh.

- *Di sản địa chất:* là những phần tài nguyên địa chất có giá trị nổi bật về khoa học, giáo dục, thẩm mỹ và kinh tế, những địa điểm địa chất đã được nghiên cứu, tìm hiểu và công bố.

- *Di sản thiên nhiên:* là một điểm hay khu vực có giá trị về văn hóa, lịch sử, khoa học, cảnh quan...có tầm quan trọng đối với lợi ích tập thể nhân loại, được Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên Hợp Quốc (UNESCO) đánh giá, lựa chọn.

Tính đến năm 2023, có tất cả 1172 di sản được liệt kê tại 165 quốc gia trên thế giới, trong đó có 901 di sản về văn hóa, 231 di sản về những khu thiên nhiên và 40 di sản thuộc cả hai loại.

[1] 16 lĩnh vực ưu tiên: Bảo tồn DSĐC, Chống biến đổi khí hậu, Thiên tai và tai biến địa chất, Sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, Bảo tồn đa dạng sinh học, Bảo tồn phát huy giá trị di sản văn hóa, Giáo dục và phát triển bền vững, Nghiên cứu khoa học, Du lịch có trách nhiệm, Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, Cơ hội việc làm, Phát triển bền vững, Tôn trọng nữ quyền, Tri thức bản địa, Hội nhập, Quan trắc và đánh giá.

- *Đa dạng sinh học:* là sự phong phú về gen, loài sinh vật và hệ sinh thái trong tự nhiên. Đa dạng sinh học không phân bố đều trên Trái Đất, các vùng rừng nhiệt đới thường có đa dạng sinh học cao hơn.

- *Niên đại địa chất:* là khái niệm để miêu tả thời gian và quan hệ của các sự kiện đã diễn ra trong lịch sử Trái Đất, được tính bằng triệu năm hoặc nghìn năm.

Thang thời gian địa chất gồm các cấp khác nhau tính từ cao xuống thấp là Liên đại, Nguyên đại/Đại, Kỷ, Thế, Kỳ và Thời, tương ứng với các thang phân vị địa tầng là Liên giới, Giới, Hệ, Thống, Bậc và Đới. VD điểm Thế giới đầm hồ có niên đại địa chất từ 66 Ma, thuộc liên đại Hiển sinh (*Phanerozoic*), đại Tân sinh (*Cenozoic),* thuộc các kỷ Cổ cận, Tân cận và Đệ tứ (*Paleogene, Neogene và Quaternary*), thuộc các thế Thủy tân, Trung tân và Canh tân (*Eocene, Miocene và Pleistocene*)…

Lịch sử địa chất của Trái Đất có thể phân tổng quát thành hai giai đoạn: thời kỳ Tiền Cambri (từ 4,57 Ga) và liên đại Hiển Sinh/Phanerozoic (542 Ma, từ khi bùng nổ sự sống).

- *Hệ tầng:* là một lớp đất đá với các đặc trưng nhận dạng riêng, có thể phân biệt với các lớp cận kề (qua các dải màu sắc hay các cấu trúc vật chất khác nhau).

- *Karst:* là hiện tượng phong hóa đặc trưng của núi đá vôi bị xói mòn. Sự xói mòn do acid carbonic được hình thành từ khí carbon dioxide trong không khí hòa tan vào nước, cộng với các ion dương của hydro (H^+). Karst thường tạo ra các hang động, sông suối ngầm, nhũ đá, măng đá...ở vùng núi đá vôi.

2. Khái quát về lãnh thổ CVĐC Lạng Sơn

- Quy mô: Trải rộng trên địa bàn 6 huyện/thành phố, một phần các huyện Bình Gia và Cao Lộc. Diện tích 4.842,58 km^2, dân số 627.000 người (58% diện tích, 78% dân số toàn tỉnh).

- Địa hình và cảnh quan: Lãnh thổ CVĐC Lạng Sơn chủ yếu là địa hình đồi núi, trong đó tiêu biểu là vùng núi kiến tạo karst (núi đá vôi), vùng núi kiến tạo và bóc mòn không karst (núi đất) xen lẫn một phần kiến tạo tích tụ dạng bồn địa bằng phẳng.

- Sông suối: Có hệ thống sông Kỳ Cùng và sông Thương cùng một số suối nhỏ, mật độ thủy văn khá dày đặc. Ở nhiều nơi có dòng chảy ngầm như tại vùng karst sông Thương khu vực huyện Chi Lăng, các suối ở Hữu Liên (Hữu Lũng), Bắc Quỳnh (Bắc Sơn), trong một số hang động...

- Quá trình xây dựng CVĐC đang mở ra 4 tuyến và 38 điểm du lịch gắn với các giá trị di sản về địa chất, cảnh quan, đa dạng sinh học, văn hóa, giáo dục, khoa học, môi trường...Trong đó tiêu biểu nhất là giá trị <u>di sản địa chất và di sản văn hóa</u>, được thể hiện trong slogan *"Dòng chảy sự sống nơi miền đất thiêng".*

Về "dòng chảy sự sống": CVĐC Lạng Sơn thể hiện chuỗi tiến hóa sự sống liên tục, xuyên suốt một cách rất đầy đủ qua 24 hệ tầng địa chất, biểu hiện qua những hóa thạch sinh vật hiện diện ở rất nhiều địa điểm di sản địa chất và khảo cổ (từ Ký ức biển hơn 500 Ma -> Sự sống cổ dưới đại dương 400 Ma -> Đại dương cổ yên bình 300 Ma -> Thác Bản Khiếng, Thế giới Cúc đá 220 Ma -> Thế giới đầm hồ 40 Ma -> Hang Thẩm Khuyên 500 Ya là cái nôi của người tiền sử sớm nhất Việt Nam và Đông Nam Á -> Di chỉ khảo cổ Mai Pha 3.500 Ya cho đến ngày nay).

Về "miền đất thiêng": Nét độc đáo của Tín ngưỡng thờ Mẫu Tam Phủ với nhiều cơ sở thực hành, thờ tự; Có các nền văn hóa Văn hóa Bắc Sơn, Văn hóa Mai Pha nổi tiếng trong khảo cổ học; Xứ Lạng luôn là miền biên ải vững chắc qua hàng nghìn năm.

II. GIÁ TRỊ ĐỊA CHẤT VÀ CẢNH QUAN

Có 4 giá trị cốt lõi của CVĐC bao gồm: Bảo tồn cảnh quan, giáo dục môi trường, du lịch địa chất và sự tham gia của cộng đồng địa phương. Trong đó địa chất và cảnh quan là hai thành phần có liên quan chặt chẽ, không thể tách rời trong một vùng lãnh thổ.

1. Giá trị địa chất

Về đặc điểm địa chất chính, CVĐC Lạng Sơn có 3 đới cấu trúc với diện tích gần bằng nhau là: 1 - khối đá vôi Bắc Sơn dày khoảng 2.000m, dài 60 km, rộng 50 km, cao trung bình 500 - 600m tại các huyện Bắc Sơn, Bình Gia, Chi Lăng, Hữu Lũng, Văn Quan, một phần thành phố Lạng Sơn và một phần huyện Cao Lộc; 2 - trũng siêu áp lục địa sông Hiến tại một phần huyện Bắc Sơn, Bình Gia, Cao Lộc; 3 - trũng siêu áp lục địa An Châu tại huyện Lộc Bình và một phần huyện Hữu Lũng, Chi Lăng. Có thể hiểu khái quát đó là có 1 phần núi đá vôi, 2 phần còn lại là núi đất và bồn địa trũng.

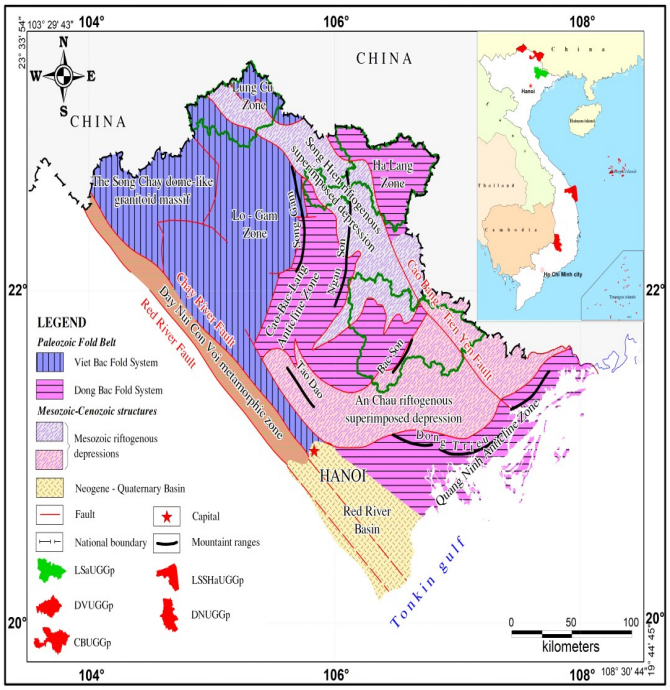

Theo đánh giá, CVĐC Lạng Sơn có ít nhất 3 giá trị địa chất tiêu biểu mang tầm cỡ quốc tế (so với CVĐC Đồng Văn và Cao Bằng ở gần khu vực):

- Lịch sử tiến hóa địa chất từ khi bùng nổ động vật sống đầu tiên (~ 542 Ma thuộc kỷ Cambrian trong liên đại Phanerozoic) đầy đủ hơn, thể hiện ở sự phong phú, đa dạng và liên tục của các thành phần trong phân vị địa chất (đá lục nguyên, núi lửa, cacbonat, đá biến chất) và các phức hệ hóa thạch có nguồn gốc và độ tuổi khác nhau.

Lịch sử tiến hóa xuyên suốt này biểu hiện tại các địa điểm di sản địa chất, di chỉ khảo cổ được nghiên cứu đánh giá trong vùng: Ký ức biển hơn 500 Ma -> Sự sống cổ dưới đại dương 400 Ma -> Đại dương cổ yên bình 300 Ma -> Thác Bản Khiếng, Thế giới Cúc đá, Homestay Sơn Thủy 220 Ma -> Thế giới đầm hồ 40 Ma -> Hang Thẩm

Khuyên 500 Ya là cái nôi của người tiền sử sớm nhất Việt Nam và Đông Nam Á -> Di chỉ khảo cổ Mai Pha 3.500 Ya. Tiến hóa sự sống và biến đổi địa chất vẫn đang tiếp tục cho đến ngày nay.

- Quan trọng nhất, bồn **trũng tách kéo Na Dương** được đánh giá là địa điểm hiếm hoi trên thế giới mang trong mình đầy đủ các yếu tố để phục vụ công tác nghiên cứu về khoa học Trái Đất, cổ sinh học và cổ môi trường trong thời kỳ Tân kiến tạo (các kỷ Đệ Tam, Đệ Tứ, từ 66 Ma -> 3 Ma).

Trũng Na Dương sở hữu một tập hợp rất phong phú và đa dạng của quần thể động vật thực vật, đại diện cho môi trường sông - hồ - đầm lầy - rừng nhiệt đới cổ trong thế Eocene muộn và sau đó (từ khoảng 47 Ma, từ khi xuất hiện những động vật có vú hiện đại đầu tiên). Trong đó bao gồm cả động vật có và không có xương sống hoặc những loài thực vật đã tuyệt chủng.

Giá trị địa chất của địa điểm này được đánh giá: "một cửa sổ đặc biệt để nhìn vào các hệ sinh thái Eocene từ Đông Nam Á", "chìa khóa để hiểu về quá trình tiến hóa của các bồn trũng kỷ Paleocene[2]…", "Mối liên hệ địa lý - sinh học chặt chẽ giữa các quần thể động vật có vú Eocene từ Na Dương và châu Âu làm nổi bật tầm quan trọng của Đông Nam Á như một vùng nguồn cho sự phân tán xuyên lục địa của động vật có vú dọc rìa phía bắc biển Tethys".

- Vùng núi đá vôi rộng lớn bị **karts hóa mạnh** hơn, có dòng chảy thủy văn trong quá khứ mạnh hơn, có nhiều hang động hơn (do ở vĩ độ thấp hơn, có khí hậu nhiệt đới hơn). Đặc biệt các hang động đá vôi này đã trở thành môi trường sinh sống, thành cái nôi sớm nhất của người cổ đại Homo erectus ở Việt Nam kể từ khoảng 500 Ya và phát triển liên tục sau đó, trở thành nơi ra đời của Văn hóa khảo cổ Bắc Sơn (~11 Ya - 5 Ya), chuyển tiếp đến Văn hóa khảo cổ Mai Pha (~ 4 Ya - 3,5 Ya), sự sống tiếp diễn cho đến ngày nay. Điều này thể hiện mối liên hệ mật thiết giữa Thiên nhiên/Địa chất và Con người cũng như sự trân trọng, thích nghi của loài người đối với Thiên nhiên/Địa chất từ xa xưa trong vùng CVĐC Lạng Sơn.

Về địa tầng, CVĐC LS có 24 hệ tầng địa chất được nghiên cứu xác định khá đầy đủ (so với 13 ở CVĐC Đồng Văn và 16 ở Cao Bằng), trong đó có 15 hệ tầng được thành lập đầu tiên ở Lạng Sơn (VD Na Dương, Mẫu Sơn, Bắc Thủy, Mỏ Nhài, Tân Lập…). Điều đó chứng tỏ sự đa dạng, phong phú và sinh động của các tầng lớp đất đá qua quá trình vận động kiến tạo liên tục của lớp vỏ Trái Đất tại Lạng Sơn.

2. Giá trị cảnh quan (địa hình, địa mạo)

Theo nghiên cứu, đáy lục địa CVĐC Lạng Sơn được hoàn thiện vào kỷ Cổ cận/Paleogene (65 - 23 Ma). Quá trình vận động và kiến tạo địa mạo đã tạo ra cảnh quan như hiện nay có thể được phân loại theo 5 loại địa hình chính, gồm: Kiến tạo; Xâm thực; Bóc mòn; Tích tụ; Karst.

CVĐC Lạng Sơn có 3 dạng địa hình cảnh quan tiêu biểu nhất là: 1 - Cảnh quan vùng kiến tạo núi karst trong giai đoạn trưởng thành tạo nên các trũng và thung lũng giữa núi (núi đá vôi); 2- Cảnh quan vùng kiến tạo núi và bóc mòn không karst (núi đất); 3 - Cảnh quan kiến tạo tích tụ dạng bồn địa bằng phẳng.

- Cảnh quan núi đá vôi karst: Tập trung chủ yếu tại 5 huyện Bắc Sơn, Chi Lăng, Hữu Lũng, Văn Quan, Bình Gia, một phần thành phố Lạng Sơn và huyện Cao

[2] Thế Paleocene bắt đầu từ 66 - 56 Ma, sau sự kiện tuyệt chủng hàng loạt của khủng long kỷ Creta.

Lộc. Vùng núi karst có đặc điểm phân bố và nhận dạng rõ ràng, khác biệt với các khu vực cảnh quan lân cận.

Khối núi đá vôi Bắc Sơn kéo dài theo hướng Đông Bắc - Tây Nam, dày khoảng 2.000m, dài trung bình 60 km, rộng 50 km, cao từ 400 - 500m, diện tích ~ 1.200 - 1.500 km^2. Khối núi có các mức độ karst hóa khác nhau: Karst hóa rất mạnh, lâu đời, để lộ các lớp đá lục địa già tạo thành núi thấp, các cánh đồng karst bằng phẳng (ở Bình Gia, Văn Quan); Karst trong giai đoạn trưởng thành tạo nên núi đá vôi hình nón liên kết với nhau và những vùng trũng/lân lũng bằng phẳng khép kín. Quá trình karst hóa này đã tạo ra những cảnh quan núi đá kết hợp với thung lũng đẹp (ven thị trấn Bắc Sơn, Yên Thịnh, Trấn Yên, hồ Đồng Lâm, Lân Đặt …).

Giá trị cảnh quan karst còn biểu hiện ở **hệ thống hang động** đồ sộ có mật độ dày đặc trong khối núi đá vôi Bắc Sơn. Chính quá trình karst hóa rất mạnh, lâu đời đã làm bào mòn, thẩm thấu, chia cắt tạo nên các dòng chảy ngầm, các hố sụt trong khối đá tạo nên các hang động. Quá trình khảo sát đã xác định được 164 hang động, lớn nhất là hang Nà Lả dài hơn 4,4 km (xã Liên Hội, Văn Quan), hang Cả dài 3,3 km (Thiện Tân, Hữu Lũng), cửa hang cao nhất 512 m là hang Nàng Tiên (Thượng Cường, Chi Lăng), nhiều hang động kỳ thú là kết quả của các dòng sông chảy ngầm trong quá khứ như Thẩm Khoách, Keng Tao, Lân Lắc, hang Dơi cùng rất nhiều hang động chứa di tích khảo cổ, văn hóa, lịch sử rất có giá trị như Thẩm Khuyên - Thẩm Hai, Kéo Lèng, hang Gió, Nhị - Tam Thanh…

- Cảnh quan đồi núi không kasrt: Tập trung chủ yếu ở huyện Lộc Bình và một phần trong tất cả các huyện/thành phố còn lại. Vùng núi này được hình thành trong trong quá trình kiến tạo phun trào và bóc mòn lớp trầm tích lục nguyên, độ cao trung bình 200 - 400m, cá biệt có các núi cao như Công Sơn 1.541m, Mẫu Sơn 1.520m, Khau Khiêng ~ 1.080m, Chóp Chài 800m...

- Cảnh quan vùng bồn địa: Được hình thành từ quá trình kiến tạo tích tụ lớp trầm tích tạo nên các vùng bằng phẳng rộng lớn như Na Dương, thành phố Lạng Sơn, độ cao trung bình 250m. Trong đó khu vực trũng Na Dương được hình thành từ quá trình nâng lên và kéo tách của các đới địa chất lân cận từ 2 mảng Bắc Đông Dương và Nam Trung Quốc và 2 siêu áp lục địa Sông Hiến và An Châu.

III. GIÁ TRỊ ĐA DẠNG SINH HỌC

Đa dạng sinh học ở CVĐC Lạng Sơn khá đặc biệt, liên quan đến các đặc điểm karst và phi karst trong kiến tạo địa chất. Có 3 khu bảo tồn tiêu biểu gồm Hữu Liên, Mẫu Sơn, Bắc Sơn, trong đó quy hoạch rừng đặc dụng rộng 13.489,94 ha (QĐ số 2447/QĐ-UBND ngày 30/11/2028 của UBND tỉnh), tỷ lệ che phủ rừng đạt 64%.

Trong vùng karts Bắc Sơn có Khu bảo tồn thiên nhiên Hữu Liên rộng 8.293 ha với 776 loài, 532 chi, 161 họ của 3 ngành thực vật, trong đó có 30 loài bị đe dọa được ghi trong Sách đỏ Việt Nam. Hệ động vật có 61 loài quý hiếm bao gồm một số loài đặc hữu vùng Đông Bắc Việt Nam, nhiều loài bị đe dọa tuyệt chủng ở quy mô toàn cầu như Báo hoa mai, Rắn hổ mang chúa, Rùa hộp 3 vạch...Đặc biệt là giá trị đặc hữu của cây Hoàng đàn Hữu Liên.

Khu bảo tồn loài sinh cảnh Mẫu Sơn trong vùng phi karst núi cao á nhiệt đới rộng 4.259 ha có hệ thực vật khá đa dạng, với 655 loài thuộc 406 chi và 148 họ của 5 ngành thực vật bậc cao có mạch, trong đó có 22 loài nguy cấp, quý hiếm có nguy cơ bị

tuyệt chủng ở cấp quốc gia. Trong vùng còn một số loài thú hiếm và rất nhiều loài côn trùng phong phú.

Khu bảo tồn loài sinh cảnh Bắc Sơn rộng 936 chủ yếu là rừng gỗ nghiến nguyên sinh do Hạt Kiểm lâm kết hợp với cộng đồng bảo vệ.

Được coi là "thủ phủ của hoa Hồi", các khu vực phi karst như vùng núi đất Văn Quan, Bình Gia, Cao Lộc có thổ nhưỡng và khí hậu rất thích hợp để trồng cây hoa hồi. Nghề trồng cây hồi và chưng cất tinh dầu hồi truyền thống ở đây rất nổi tiếng, chiếm 75% sản lượng hoa hồi của Việt Nam, đứng thứ 2 trong tổng sản lượng hoa hồi trên thế giới. Các huyện Chi Lăng, Hữu Lũng cũng nổi tiếng với loại hình trồng na trên núi đá tạo nên sản phẩm mang thương hiệu uy tín.

IV. BẢO VỆ, PHÁT HUY GIÁ TRỊ ĐỊA CHẤT, CẢNH QUAN, ĐA DẠNG SINH HỌC TRONG VÙNG CVĐC LẠNG SƠN

Phần thảo luận cuối chuyên đề sau khi được chia sẻ những nét cơ bản về giá trị địa chất, cảnh quan và đa dạng sinh học trong vùng CVĐC Lạng Sơn. Do giới hạn của thời gian nên phần thảo luận để mở, mang tính chất tham khảo.

Xây dựng CVĐC Lạng Sơn trở thành CVĐC Toàn cầu? Lợi ích của danh hiệu này là gì?

- Sự công nhận quốc tế là khác biệt cơ bản nhất: đem lại cho quốc gia hoặc địa phương được trao danh hiệu rất nhiều lợi ích về rất nhiều mặt chính trị, kinh tế, giáo dục, khoa học, văn hóa, an ninh-quốc phòng…

Sự thay đổi trong định hướng phát triển kinh tế-xã hội;

Sự chú ý, quan tâm hơn của Chính phủ, các bộ, ngành Trung ương;

Sự chú ý, quan tâm hơn của các tổ chức quốc tế, các nhà đầu tư tư nhân;

Được nhắc đến nhiều hơn trên các phương tiện thông tin đại chúng;

- Bảo tồn và phát huy tổng thể các giá trị di sản.

- Phát triển kinh tế-xã hội bền vững.

- Lợi ích và các cơ hội sinh kế mới.

- Nâng cao nhận thức cộng đồng về di sản.

- Chú trọng đến các vấn đề môi trường và xã hội (thiên tai, biến đổi khí hậu, bất bình đẳng giới...).

- Cơ hội phát triển vùng và hội nhập quốc tế.

Chuyên đề:

GIÁ TRỊ KHẢO CỔ VÙNG CÔNG VIÊN ĐỊA CHẤT LẠNG SƠN

Biên tập: Đ/c Dương Việt Hưng, Viên chức Phòng Nghiệp Vụ, BQL CVĐC Lạng Sơn

1. Khái quát về Di sản khảo cổ học Vùng CVĐC Lạng Sơn

Với vị trí địa lý đặc biệt và những đặc điểm địa chất - địa mạo, độc đáo, riêng riêng biệt vùng đất Lạng Sơn xưa, cụ thể là Khối núi đá vôi Bắc Sơn (Cánh cung Bắc Sơn, Nếp lồi Bắc Sơn) là một trong những cái nôi của Người Việt cổ với các hiện vật được các nhà khảo cổ học tìm thấy tại hang Thẩm Khuyên – Thẩm Hai, xã Tân Văn, Huyện Bình Gia thì ít nhất là từ khoảng 500.000 năm trước ngày nay, đã có sự xuất hiện người *Homo Erectus* ("người đứng thẳng", là một loài người đã tuyệt chủng từng sinh sống trong phần lớn khoảng thời gian thuộc thế Pleistocen), Kéo Lèng (thị trấn Bình Gia, cách Hang Thẩm Khuyên – Thẩm Hai khoảng 3 km) đã tìm thấy hóa thạch *Homo sapiens* (người tinh khôn – Người hiện đại).

Cách đây hơn một thế kỷ, các nhà địa chất người Pháp H. Mansuy và M. Colani đã tiên phong điều tra, khai quật phát hiện rất nhiều di tích văn hóa của nền văn hóa Bắc Sơn (niên đại 10.000 – 7000 năm cách ngày nay). Năm 1998 với việc xác lập nền văn hóa Mai Pha (niên đại 4.000 – 3500 năm cách ngày nay) chứng tỏ tỉnh Lạng Sơn nói chung và vùng CVĐC nói riêng là nơi có quá trình sinh sống của con người sớm nhất và liên tục nhất nổi bật với ba loại di sản có giá trị to lớn: một khu vực tiến hóa của loài người; văn hóa Bắc Sơn và văn hóa Mai Pha

2. Giá trị khảo cổ của một số điểm du lịch trong vùng CVĐC Lạng Sơn

2.1. Điểm 15. Hang Thẩm Khuyên và Hang Thẩm Hai (một khu vực tiến hóa của loài người)

Là hai địa điểm chứa tàn tích *Homo erectus* độc nhất vô nhị ở Việt Nam được nhóm nghiên cứu chung của Việt Nam tìm thấy và khai quật. Các nhà khảo cổ học người CHDC Đức năm 1964-1965.

Trong lớp trầm tích cứng màu đỏ nhạt Pleistocen giữa, hóa thạch tìm thấy là 9 chiếc răng rời của loài *Homo erectus* , cùng với nhiều loài động vật hóa thạch khác như đười ươi lùn (*Pongo pygmaeus*), voi Stegodon, lợn rừng, tê giác v.v. và đặc biệt là loài vượn khổng lồ (*Gigantopithecus). đen*). Hóa thạch *Homo erectus* trong hang Thẩm Khuyên được xác định niên đại bằng phương pháp ESR (Cộng hưởng spin điện tử), cho độ tuổi từ 401.000±51.000 đến 534.000±87.000 năm BP, hay trung bình là 500.000 năm BP, được cho là sớm nhất ở Việt Nam và khá gần với loài *Homo erectus Bắc Kinh* (*Sinanthropus pekinensis*) tại Chu Khẩu Điếm có niên đại từ 0,5-0,3 Ma BP.

So sánh đặc điểm hình thái răng của Lạng Sơn *Homo erectus* với đảo Java *Homo erectus* (*Pithecanthropus modjokertensis*) (Indonesia) có độ tuổi 1-0,7 Ma và *Homo erectus Bắc Kinh* (*Sinanthropus pekinensis*) (Trung Quốc) có độ tuổi 0,5-0,3 Ma, có thể thấy rằng Lạng Sơn *Homo erectus* nằm ở giữa, cả về không gian và thời gian, kéo dài từ đầu đến giữa đến cuối Pleistocen. Như vậy, *Homo erectus* Lạng Sơn đóng góp một mối liên kết trong quá trình tiến hóa của *Homo erectus* cũng như một bằng chứng

về cái nôi của con người ở Đông Nam và Đông Á.

Tại hang Kéo Lèng (thị trấn Bình Gia, cách Hang Thẩm Khuyên - Tham Hai khoảng 3 km), khai quật năm 1966 đã tìm thấy hóa thạch *Homo sapiens* (răng và xương chẩm) và các loài động vật (khỉ, đười ươi, nhím, chuột, gấu, hổ, v.v.). báo, voi Stegodon, tê giác, trâu rừng, hươu, dê, v.v.) trong trầm tích màu vàng nhạt cuối thế Pleistocen muộn, biểu thị môi trường cổ nhiệt đới khô.

2.2. Điểm 27. Hang Gió - Văn hóa khảo cổ Bắc Sơn

Văn hóa Bắc Sơn được đặt tên theo khối núi đá vôi Bắc Sơn, nơi H. Mansuy lần đầu tiên khai quật hang Thẩm Khoách (huyện Bình Gia) vào năm 1906. Đến năm 1925, với sự hỗ trợ của M. Colani, H. Mansuy đã phát hiện và khai quật thêm 24 địa điểm mới , khẳng định sự tồn tại của Văn hóa Bắc Sơn, có niên đại sớm thời kỳ đồ đá mới (khoảng 11.000-5.000 năm trước) từ sơ kỳ Đá mới sang trung kỳ Đá mớ.

Đến nay, người ta đã phát hiện được gần 76 di tích Văn hóa Bắc Sơn, trong đó Lạng Sơn có 46 địa điểm , phân bố chủ yếu trong khối núi đá vôi Bắc Sơn trong địa bàn các huyện Bắc Sơn, Bình Gia, Hữu Lũng, Chi Lăng, Văn Quan, Ngoài địa bàn gốc là khu sơn khối Bắc Sơn tỉnh Lạng Sơn, văn hóa Bắc Sơn còn phân bố sang một số khu vực hang động núi đá vôi ở Thái Nguyên, Bắc Kạn, Tuyên Quang, Cao Bằng, Hà Giang. Văn hóa Bắc Sơn được cho là kết thúc cùng với văn hóa Hòa Bình nhưng bắt đầu muộn hơn nhiều. Cũng có ý kiến cho rằng Văn hóa Bắc Sơn và Văn hóa Hòa Bình giống nhau và văn hóa Bắc Sơn có nguồn gốc từ văn hóa Hòa Bình nhưng trên thực tế chúng có nhiều điểm khác biệt. Cụ thể:

1). Kỹ thuật mài một mặt trong chế tạo công cụ bằng đá, chủ yếu sử dụng lõi sỏi ở văn hóa Hòa Bình, trái ngược với kỹ thuật mài, vẩy hai mặt ở văn hóa Bắc Sơn;

2). Công cụ đá Sumatralith **(**Trong kỹ thuật chế tác đá, ngoài những kỹ thuật ghè trực tiếp, ghè hạn chế ở rìa mép viên cuội đã xuất hiện kỹ thuật ghè xung quanh, hướng tâm công cụ (kỹ thuật Sumatralith) rất điển hình nhằm tạo ra những công cụ gần như hình bầu dục hoặc rìu ngắn) phổ biến trong văn hóa Hòa Bình, trong khi rìu mài lưỡi và dấu Bắc Sơn là những nét nổi bật của văn hóa Bắc Sơn. Những khác biệt này có thể xuất phát từ sự khác biệt về nguồn gốc, tức là văn hóa Bắc Sơn được hình thành độc lập, có nguồn gốc khác với văn hóa Hòa Bình. Người Bắc Sơn là người đầu tiên của vùng núi Đông Bắc trước khi người Hòa Bình đến. Văn hóa Hòa Bình phát triển mạnh mẽ ở phía Tây và một số vùng đảo ở Đông Nam Á nhưng chưa thể hiện rõ ở khu vực biên giới Trung-Việt. Ngược lại, văn hóa Bắc Sơn có ảnh hưởng rõ rệt hơn ở khu vực này cũng như vùng ven biển các tỉnh Quảng Ninh (Việt Nam) và Quảng Đông (Trung Quốc).

Một trong những nguồn thức ăn phổ biến mà cư dân văn hóa Bắc Sơn khai thác là các loài động vật hoang dã. Trong tầng văn hóa một số di chỉ Bắc Sơn tìm thấy nhiều di cốt động vật: họ hươu (Cervidae), họ trâu bò (Bovidae), họ lợn (Suidae), họ cầy cáo (Viverridae), nhím (Hystricides), linh trưởng (Primates); vượn Hylobates of concolor; khỉ Macaca assamensis; lửng Arctonyx collari; tê giác Rhinoceros sp.; lợn rừng Sus scorofa; hươu Cervus sp.; nai (Rusa unicolor), một số loài chim, thú khác; nhuyễn thể: loài ốc núi miệng tròn Cyclophorus, Hybocystis., ốc suối Antimelania sp, các loài trai,

trùng trục, ngao, hến… sống trong các đầm hồ, sông, suối, ít loài sống trên cạn.

Cư dân văn hóa Bắc Sơn thuộc các loại hình chủng tộc như Indonesien, Melanesien và các dạng hỗn chủng giữa chúng với Australoid, Mongoloid, Negrito hoặc Australo-Melanesie. GS Hà Văn Tấn cho rằng Indonesien và Melanesien là hai loại hình tìm thấy nhiều nhất trong văn hóa Bắc Sơn. Trong đó, Indonesien là loại hình thuộc tiểu chủng Mongoloid phương Nam, mang cả hai yếu tố Mongoloid và Australoid. Đây là những loại hình nhân chủng phổ biến cư trú ở Đông Dương và khu vực xung quanh vào giai đoạn chuyển tiếp từ hậu kỳ Đá cũ đến sơ kỳ Đá mới.

Bộ di vật đá được chia thành 5 nhóm tiêu biểu, gồm: nhóm công cụ ghè đẽo; nhóm rìu mài lưỡi; dấu Bắc Sơn; nhóm hạch đá và mảnh tước; và nhóm công cụ cuội nguyên, phần lớn làm từ cuội sông suối với các loại chất liệu phổ biến như porphyrite, rhyolith, granite, diabaze, quartzite…Trong đó, công cụ ghè đẽo, công cụ rìu mài lưỡi, dấu Bắc Sơn là những công cụ đặc trưng tiêu biểu của văn hóa này. Ngoài những công cụ đá, người Bắc Sơn còn chế tác và sử dụng công cụ xương, sừng và vỏ nhuyễn thể, song số lượng không nhiều và loại hình còn đơn điệu.

Đồ gốm: phát hiện được khá ít, đặc trưng: gốm thô, nặn bằng tay, độ nung thấp.

2.3. Điểm 36. Di chỉ Mai Pha - Văn hóa khảo cổ Mai Pha

Sau Văn hóa Bắc Sơn, con người cổ đại tiếp tục lưu trú ở Lạng Sơn trong thời kỳ giữa thời kỳ đồ đá mới, với các di tích ở động Phia Điềm và Phai Vệ 2. Vào cuối thời kỳ đồ đá mới, họ đã thiết lập một nền văn hóa mới nhưng liên tục - văn hóa Mai Pha - có niên đại khoảng 4.000-3.000 năm trước.

Văn hóa Mai Pha, thể hiện ở hang Mai Pha, thành phố Lạng Sơn, trên thực tế, được một chủ đồn điền người Pháp là ông Restif khai quật và được H. Mansuy công bố vào năm 1920. Sau đó, hang được H. Mansuy và M. Colani. Đến năm 1998, các nhà khảo cổ học đã phát hiện xung quanh thành phố Lạng Sơn 12 địa điểm có tính chất, niên đại tương tự nhau và xác lập nền văn hóa khảo cổ Mai Pha cuối thời kỳ đồ đá mới.

Địa điểm cư trú của cư dân Văn hóa Mai Pha có sự khác biệt so với Văn hóa Bắc Sơn. Cư dân Văn hóa Mai Pha tập trung chủ yếu ở rìa Đông Bắc của sơn khối đá vôi Bắc Sơn, gần thành phố Lạng Sơn ngày nay, và một số ở rìa phía Nam, nơi có địa hình tương đối thấp, chỉ 300-400m, xen lẫn đá vôi và đá lục nguyên, có thung lũng rộng, đồng ruộng bằng phẳng, nhiều sông suối với nguồn nước dồi dào. Cư dân văn hóa Mai Pha sống trong những hang động nhỏ, phân tán, không còn cư trú thành từng cụm lớn trong các thung lũng khép kín như văn hóa Bắc Sơn. Có thể nói với văn hóa Mai Pha con người đã bước đầu không còn phu thuộc nhiều vào hoạt động săn bắt hái lượm sự trong vùng sơn khối đá vôi Bắc Sơn mà tiến tới chinh phục các thung lũng bên ngoài vùng sơn khối Bắc Sơn với sự phát triển của chăn nuôi: thuần dưỡng trâu, lợn, chó (Tại di chỉ Mai Pha tỷ lệ lợn nhà và lợn rừng là 07/38 tiêu bản), trồng trọt (Vết tích quả hạt và mẫu bào tử phấn hoa: ngành Dương xỉ thực vật hạt trần như Thông, thực vật hạt kín: Rau muối, Sau sau, Hòa thảo, Cà phê).

Công cụ lao động của cư dân văn hóa Mai Pha rất phong phú ngoài những công cụ bằng đá như rìu, bôn, đục họ còn chế tác từ các nguyên liệu khác là vỏ trai.

Đồ gốm: mang đầy đủ những đặc điểm và tính chất chung của đồ gốm thuộc giai

đoạn hậu kỳ đá mới và sơ kỳ kim khí ở nước ta: Chất liệu chủ yếu là sét và cát, xương gốm mỏng, cứng và có độ nung cao, được chế tạo chủ yếu bằng bàn xoay, đại bộ phận được trang trí văn thừng và một số hoa văn khắc vạch, trỗ lỗ thủng, miếng lát, phần lớn được phủ màu đỏ thổ hoàng, đã xuất hiện loại hình đồ đựng mang tính nghệ thuật cao (bát bồng). Tuy nhiên so với các vùng đồng bằng và ven biển, gốm Mai Pha cũng bộc lộ nhiều nét riêng biệt. Toàn bộ gốm Mai Pha đều thuộc loại gốm cứng, chắc có màu đỏ gạch, một số ít gốm đen hoặc có dấu vết ám khói, chủ yếu là nồi, bát và bát bồng, kích thước đồ đựng nhỏ, không thấy loại hình vò, chậu hay bình.

Về hoa văn, ở Mai Pha chỉ có 3 loại: thừng, khắc vạch và trổ lỗ thủng thể trình độ kỹ thuật tạo hoa văn và tư duy mỹ cảm của người thợ gốm khá cao.

Văn thừng trên gốm Mai Pha rất tinh xảo, mịn và đẹp do được tạo ra bằng kỹ thuật trục lăn có quấn dây nhỏ, săn. Các đường nét dấu thừng trên gốm Mai Pha đều rất dài, thẳng chạy dọc theo trục đứng đồ đựng. Đó là một trong những đặc điểm để phân biệt gốm vặn thừng Mai Pha với các văn hóa khác. Có thể nói hoa văn vặn thừng Mai Pha không còn có ý nghĩa về kỹ thuật mà thực sự nó đã trở thành một loại hoa văn có tính trang trí cao. Riêng về nghệ thuật trang trí bằng kỹ thuật khắc vạch và trỗ lỗ thủng, người thợ gốm Mai Pha đã biết kết hợp một cách rất hài hòa để tạo ra những mô típ hoa văn đẹp và gây ấn tượng mạnh mẽ. Nổi bật nhất là hoa văn hình "hoa thị" và các biểu hiện của nó, được bố trí liên hoàn quanh vành chân đế bát bồng. Với cách bố trí các mô típ "hoa thị" nối nhau chạy quanh vành chân đế người ta sẽ có một dải hoa văn rất đẹp và sinh động.

Các biến thể của loại hoa văn này cũng được tạo ra bằng cách phân tách chúng thành các dạng hoa văn hình 2 cánh lá, 1 cánh lá hoặc nửa cánh lá, cổ trổ lỗ ở giữa tạo ra những đường vạch thẳng dạng hình học. Một số là hình chữ V kép, hoặc những đường thẳng song song cắt chéo nhau thành hình chữ thập. Giữa đầu nhọn chữ V hay ở điểm cắt nhau của chữ thập đều được trổ lỗ thủng. Vì vậy chúng tôi cho rằng chúng cũng là những biến thể của phong cách mô típ hình hoa thị. Có thể nói đây là hoa văn chủ đạo mang tính biểu tượng đặc sắc nhất trong nghệ thuật trang trí trên gốm Mai Pha. Nó chưa hề tìm thấy trong bất cứ nền văn hóa nào đã biết ở nước ta.

Về loại hình đồ đựng, bên cạnh sự phổ biến loại nồi có miệng loe gần gãy ở cổ, thân đáy tròn và bát đồng có chân đế được trang trí hoa văn hình hoa thị nói trên, thì ở Mai Pha còn xuất hiện một số đồ đựng có gắn quai từ mép miệng loe xuống vai đồ đựng và loại đồ đựng có gắn núm gốm ở thân được dùi lỗ dọc từ trên xuống dùng để xỏ dây mang. Ngoài ra còn có loại đồ đựng được gắn hai chiếc tai ngay ở mép miệng giống như chiếc chảo hoặc chiếc sanh hiện đại. Đây cũng là loại hình đồ đựng đầu tiên được tìm thấy ở nước ta.

Văn hóa Mai Pha có mối liên hệ với các nền văn hóa đương thời ở những nơi khác: văn hóa Phùng Nguyên, văn hóa biển Hạ Long.

Chuyên đề:

GIÁ TRỊ DI SẢN VĂN HOÁ VÙNG CÔNG VIÊN ĐỊA CHẤT LẠNG SƠN

Biên tập: Đ/c Vy Thị Quỳnh Ngọc, Viên chức Phòng Nghiệp Vụ, BQL CVĐC Lạng Sơn

Tóm tắt: *Công viên địa chất Lạng Sơn là vùng lãnh thổ có diện tích chiếm 56% diện tích toàn tỉnh Lạng Sơn. Nơi đây cũng là nơi sinh sống của 07 dân tộc anh em Nùng, Tày, Kinh, Dao, Hoa, Sán Chay, Mông, với tổng dân số chiếm 78% dân số toàn tỉnh. Chính vì vậy, các cộng đồng dân tộc ở đây đã tạo nên bức tranh văn hoá đa sắc màu và đậm đặc tính bản địa. Đây không những là tài sản của đồng bào các dân tộc tại Lạng Sơn mà còn là tài sản chung của quốc gia dân tộc. Bài viết này tập trung nhìn lại hệ thống di sản văn hoá trong Công viên địa chất Lạng Sơn và những giá trị văn hoá lịch sử, kinh tế có liên quan.*

Từ khoá: *Văn hoá, di sản văn hoá, công viên địa chất, Lạng Sơn*

1. MỘT SỐ KHÁI NIỆM LIÊN QUAN

1.1. Di sản văn hóa

Di sản văn hoá bao gồm di sản văn hoá vật thể và di sản văn hoá phi vật thể là sản phẩm tinh thần, vật chất có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học, được lưu truyền từ thế hệ này qua thế hệ khác ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.[3] Di sản văn hoá vật thể và di sản văn hoá phi vật thể được coi là hai bộ phận hữu cơ cấu thành kho tàng di sản văn hoá dân tộc, luôn gắn bó mật thiết, có tác động tương hỗ lẫn nhau, nhưng có tính độc lập tương đối. Di sản văn hoá vật thể tồn tại dưới dạng công trình, địa điểm, di vật, cổ vật là kết tinh của trí tuệ, tài năng của những người thợ thủ công qua nhiều thời đại, còn di sản văn hoá phi vật thể lại là cái vô hình, tiềm ẩn trong trí nhớ và được biểu hiện thông qua hành vi và các kỹ năng, bí quyết do nghệ nhân nắm giữ - chủ thể sáng tạo di sản, di sản đó được lưu truyền lại bằng hình thức truyền miệng, truyền nghề thông qua thực hành, trình diễn.

1.2 Công viên địa chất

Công viên địa chất (CVĐC, tiếng Anh: geopark) là một khu vực có ranh giới địa lý - hành chính rõ ràng, liền khoảnh, trong đó chứa đựng một tập hợp các di sản địa chất có giá trị khoa học, giáo dục, thẩm mỹ và kinh tế. Đồng thời khu vực đó còn là nơi hội tụ được các giá trị khác về cảnh quan, đa dạng sinh học, khảo cổ, lịch sử, văn hóa, xã hội... Tất cả các giá trị đó cùng được nghiên cứu, đánh giá, bảo tồn và khai thác, sử dụng một cách bền vững. Công viên địa chất cần có diện tích đủ lớn để có thể đóng góp đáng kể vào công cuộc phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đặc biệt là dưới hình thức phát triển du lịch và các dịch vụ phụ trợ khác. Trong đó, di sản địa chất là một phần tài nguyên địa chất có giá trị nổi bật về khoa học, giáo dục, thẩm mỹ và kinh tế.[4] Theo đó, di sản địa chất được phân loại thành 10 kiểu di sản, gồm: di sản cổ sinh, di sản địa mạo,

[3] Luật Di sản văn hóa 2001 (sửa đổi, bổ sung năm 2009 - điều 1 chương 1 những quy định chung)
[4] Thông tư số 50/2017/TT-BTNMT ngày 30/11/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường

di sản cổ môi trường, di sản đá, di sản địa tầng, di sản khoáng vật, khoáng sản, di sản kinh tế vật chất, di sản kiến tạo, di sản vũ trụ, di sản lục địa, đại dương.

1.3. Tổng quan về Công viên địa chất Lạng Sơn

Công viên địa chất Lạng Sơn bao gồm phạm vi địa giới hành chính của các huyện: Bắc Sơn, Chi Lăng, Hữu Lũng, Lộc Bình, Văn Quan, thành phố Lạng Sơn, một phần của huyện Bình Gia, một phần của huyện Cao Lộc. Tổng diện tích là 4.842,58 km^2, dân số khoảng 627.500 người chiếm khoảng 58% diện tích và 78% dân số toàn tỉnh. Bức tranh văn hóa của vùng Công viên địa chất Lạng Sơn được hình thành do quá trình tiếp biến đa sắc màu ở nơi đây song vẫn mang đậm dấu ấn đặc trưng cho các giá trị văn hóa, xã hội, lịch sử từ đời sống vật chất và tinh thần của cộng đồng các dân tộc sống lâu năm tại nơi đây với 07 dân tộc chính gồm: Nùng, Tày, Kinh, Dao, Hoa, Sán Chay *(Nhóm Cao Lan, Sán Chỉ),* Mông.

Trong đó, dân tộc Tày Là dân tộc gốc của Lạng Sơn, với trình độ phát triển tương đối hoàn chỉnh. Họ cư trú tập trung ở các huyện Lộc Bình, Bắc Sơn, Bình Gia. Người Tày Lạng Sơn thường sống quần tụ thành từng bản, ít thì vài chục nóc nhà, nhiều qồm hơn 100 nóc nhà. Bản của người Tày phổ biến được cấu thành từ những gia đình thuộc các dòng họ khác nhau. Vốn là cư dân sinh sống chính bằng kinh tế nông nghiệp ruộng nước, nên địa bàn cư trú của người Tày đa phần ở các thung lũng, có nhiều đồng ruộng. Người Tày là dân bản địa bao giờ cũng lập làng, làm ruộng ở những vị trí thuận lợi hơn so với các dân tộc khác. Kinh nghiệm canh tác lúa nước phong phú. Một số sản phẩm thủ công truyền thống do họ làm ra được tiêu thụ rộng rãi ở thị trường như bàn ghế bằng trúc, tre. Với truyền thống lâu đời lại thêm tinh thần lao động cần cù, sáng tạo, có điều kiện tự nhiên thuận lợi nên nông nghiệp ruộng nước của dân tộc Tày phát triển tương đối cao. Đồng bào thường sống thành từng bản, ít thì có vài chục hộ, nhiều thì hơn một trăm nóc nhà. Bản của dân tộc Tày được cấu thành từ những gia đình nhỏ phụ quyền thuộc các dòng họ khác nhau. Bản ít có từ 2-3 dòng họ, bản nhiều thì từ 10 dòng họ trở lên. Những dòng họ lớn trong bản thường là những dòng họ có công khai phá đất đai và thành lập bản.[5]

Bên cạnh đó, dân tộc Nùng cũng là dân tộc đặc trưng của Lạng Sơn. Dân tộc Nùng tại Lạng Sơn gồm nhiều nhóm địa phương (thường được các nhà dân tộc học gọi là "ngành"): Nùng Cháo, Nùng Phàn Slình (các nhóm Cúm Cọt và Hu Lài), Nùng Inh. Là cư dân nông nghiệp làm nương rẫy kết hợp với ruộng lúa nước dân tộc Nùng làm ruộng thành thạo. Nương rẫy đóng vai trò quan trọng trong đời sống cộng đồng. Bản của dân tộc Nùng sống theo nhóm dân tộc ít khi sống xen kẽ với các dân tộc khác. Nếu cùng cư trú trong một bản thì họ cũng ở thành một cụm riêng biệt. Mỗi bản đều có ranh giới và đều lập miếu thờ thần bảo vệ dân bản, bảo vệ mùa màng và gia súc. Những sinh hoạt cộng đồng như làm các nghi lễ nông nghiệp đều được tổ chức hàng năm tại miếu thờ thần. Mỗi bản thường bao gồm 5-7 đến vài chục nóc nhà quần tụ với nhau. Quan hệ tình làng nghĩa xóm trong bản dân tộc Nùng thể hiện rất cao.[6]

[5] UBND tỉnh Lạng Sơn*, Địa chí Lạng Sơn*, NXB Chính trị Quốc gia, 1999, tr.135
[6] UBND tỉnh Lạng Sơn*, Địa chí Lạng Sơn*, NXB Chính trị Quốc gia, 1999, tr.132

Ngoài ra, các dân tộc khác như Kinh, Dao, Sán Chay, Hoa, Mông sống xen kẽ với các cộng đồng dân tộc khác. Các dân tộc luôn sống hoà đồng với nhau và đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển của địa phương. Sự quần cư giữa các cộng đồng dân tộc trong vùng Công viên địa chất Lạng Sơn đã tạo nên sắc màu văn hoá đa dạng, trở thành tài sản tinh thần có ý nghĩa đối với người dân tại đây.

2. HỆ THỐNG DI SẢN VĂN HOÁ TRONG CÔNG VIÊN ĐỊA CHẤT LẠNG SƠN

2.1. Di sản văn hoá vật thể

Công viên địa chất Lạng Sơn sở hữu một hệ thống phong phú các loại hình di sản văn hoá vật thể, bao gồm cả kiến trúc nghệ thuật, khảo cổ học, danh lam thắng cảnh, lịch sử văn hoá. Điều đặc biệt là những di sản văn hoá vật thể này gắn liền với lịch sử hình thành văn hoá Việt cổ và quá trình đấu tranh giữ gìn độc lập của dân tộc Việt Nam. Hiện nay, tỉnh lạng Sơn cho đến năm 2019 có 335 điểm và khu di tích đã xếp hạng và nằm trong danh mục kiểm kê (với 421 điểm- theo quy trình 05 năm kiểm kê một lần, năm 2024 sẽ kiểm kê đợt tiếp theo).[7] Trong đó đến nay đã có 140 di tích xếp hạng các cấp *(Gồm 02 khu di tích xếp hạng quốc gia đặc biệt; 31 di tích xếp hạng cấp quốc gia; 107 di tích xếp hạng cấp tỉnh)*; 195 di tích trong danh mục kiểm kê chưa xếp hạng. Riêng trong Vùng Công viên địa chất Lạng Sơn hiện có 254/335 điểm, khu di tích nằm trong danh mục kiểm kê được phê duyệt, trong đó:

Về quy mô, cấp độ: Vùng Công viên địa chất Lạng Sơn có 113 di tích đã xếp hạng các cấp *(Gồm 02 khu di tích xếp hạng quốc gia đặc biệt; 27 di tích xếp hạng cấp quốc gia; 84 di tích xếp hạng cấp tỉnh)*, 141 di tích nằm trong danh mục kiểm kê chưa được xếp hạng.

Bảng. Số lượng các di sản văn hoá vật thể được xếp hạng trong vùng Công viên địa chất Lạng Sơn

TT	Tên huyện /thành phố	Cấp xếp hạng				Tổng số
		Quốc gia đặc biệt	Quốc gia	Cấp tỉnh	Chưa xếp hạng	
1	TP Lạng Sơn	-	13	7	8	***28***
2	Huyện Hữu Lũng	-	-	12	72	***84***
3	Huyện Chi Lăng	1	2	5	17	***25***
4	Huyện Bắc Sơn	1	3	12	13	***29***
5	Huyện Bình Gia	-	3	10	9	***22***
6	Huyện Cao Lộc	-	1	12	11	***24***
7	Huyện Lộc Bình	-	1	10	11	***22***
8	Huyện Văn Quan	-	1	11	13	***25***
Tổng		**2**	**24**	**79**	**154**	**259**

Nguồn: Theo" Đề án bảo tồn, tôn tạo, phát huy giá trị hệ thống di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2021 – 2030"[8]

Về loại hình: Vùng Công viên địa chất Lạng Sơn có 60 di tích lịch sử, 144 di tích kiến trúc nghệ thuật, 32 di tích khảo cổ và 18 di tích danh lam, thắng cảnh.

[7] Quyết định số 73/QĐ-UBND ngày 10/01/2019 của UBND tỉnh Lạng Sơn
[8] Theo Quyết định số 855/QĐ-UBND ngày 22/04/2021 của UBND tỉnh Lạng Sơn

Bảng. Phân loại loại hình di tích trong Vùng Công viên địa chất Lạng Sơn

STT	Tên huyện/thành phố	Loại hình di tích			
		Kiến trúc nghệ thuật	Khảo cổ học	Lịch sử văn hóa	Danh lam thắng cảnh
1	TP Lạng Sơn	18	2	6	5
2	Huyện Hữu Lũng	72	6	4	2
3	Huyện Chi Lăng	20	5	42	3
4	Huyện Bắc Sơn	13	2	22	3
5	Huyện Bình Gia	5	6	9	2
6	Huyện Cao Lộc	7	2	21	1
7	Huyện Lộc Bình	10	4	15	5
8	Huyện Văn Quan	10	6	8	1
Tổng		**155**	**33**	**127**	**22**

Nguồn: Theo" Đề án bảo tồn, tôn tạo, phát huy giá trị hệ thống di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2021 – 2030"

Có thể thấy, vùng Công viên địa chất Lạng Sơn là không gian chứa đựng nhiều giá trị văn hoá lịch sử đặc biệt. Nơi đây không chỉ lưu giữ số lượng lớn di sản văn hoá vật thể mà còn có sự phong phú về loại hình và được ghi nhận tại nhiều cấp xếp hạng. Đây không chỉ là tài sản quý báu của cộng đồng các dân tộc trong Công viên địa chất Lạng Sơn mà còn là nguồn tài nguyên văn hoá có ý nghĩa trong quá trình phát triển bền vững của địa phương.

2.2. Di sản văn hóa phi vật thể

Trong Vùng Công viên địa chất Lạng Sơn qua kiểm kê[9] vẫn hội tụ đầy đủ 7 loại hình di sản văn hóa phi vật thể. Cụ thể như sau:

Về lễ hội: Theo kết quả thống kê sơ bộ trong vùng Công viên địa chất Lạng Sơn hiện có 182 Lễ hội, chiếm 65% lễ hội toàn tỉnh. Trong đó có 157 lễ hội truyền thống, 25 lễ hội văn hóa/lễ hội ngành nghề: 04 lễ hội là di sản văn hóa đã được công nhận đưa vào danh mục di sản văn hóa phi vật thể Quốc gia *(gồm lễ hội Ná Nhèm xã Trấn Yên, huyện Bắc Sơn; lễ hội Trò Ngô, xã Yên Thịnh, huyện Hữu Lũng, Lễ hội Đền Kỳ Cùng – đền Tả Phủ, tp Lạng Sơn, Lễ hội chùa Bắc Nga, xã Gia Cát, huyện Cao Lộc)*.[10]

Bảng. Phân loại các loại hình lễ hội tại vùng Công viên địa chất Lạng Sơn

Huyện, thành phố	Tổng số lễ hội	Lễ hội truyền thống	Lễ hội Văn hóa, ngành nghề	Số lễ hội được đưa vào danh mục quốc gia	Ghi chú
Bắc Sơn	**5**	4	01	01	
Chi Lăng	**22**	16	06		

[9] Từ năm 2011 – 2015, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan hoàn thành công tác kiểm kê trên địa bàn toàn tỉnh theo Thông tư số 04/2020/TT - BVHTTDL, ngày 30/6/2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định việc kiểm kê và lập hồ sơ di sản văn hóa phi vật thể để đề nghị đưa vào danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia.

[10] Báo cáo Tổng hợp Đề tài khoa học "Nghiên cứu, bảo tồn, phát huy giá trị một số loại hình di sản văn hoá phi vật thể trong vùng Công viên địa chất Lạng Sơn" đã được phê duyệt theo Quyết định số 494/QĐ-UBND ngày 14/3/2024 của UBND tỉnh Lạng Sơn Quyết định về việc công nhận kết quả thực hiện đề tài: "Nghiên cứu, bảo tồn, phát huy một số loại hình di sản văn hóa phi vật thể trong vùng Công viên địa chất Lạng Sơn

Huyện, thành phố	Tổng số lễ hội	Lễ hội truyền thống	Lễ hội Văn hóa, ngành nghề	Số lễ hội được đưa vào danh mục quốc gia	Ghi chú
Văn Quan	**37**	31	06		
Bình Gia[11]	**47/79**	46/79	01		
Lộc Bình	**14**	13	01		
Thành phố Lạng Sơn	**11**	8	03	01	
Hữu Lũng	**28**	27	01	01	
Cao Lộc	**18/27**	12/16	6/11	01	
Tổng	**182**	**157**	**25**	**04**	

Nguồn: Báo cáo Tổng hợp Đề tài khoa học "Nghiên cứu, bảo tồn, phát huy giá trị một số loại hình di sản văn hoá phi vật thể trong vùng Công viên địa chất Lạng Sơn, tr.84

Về *nghệ thuật trình diễn dân gian:* Vùng Công viên địa chất hội tụ đầy đủ các loại hình nghệ thuật trình diễn dân gian đặc trưng và tiểu biểu của cộng đồng các dân tộc Lạng Sơn như:

+ *Dân ca:* Người Nùng có hát then, sli, cò lẩu, ru, đồng dao...; người Tày có hát then, lượn, quan làng, ví, phong slư, ru, đồng dao; người Dao có hát pá/páo dung (Pả djung), ru; người Mông có hát đối đáp (*Hu nhạu*) và hát tự sự (*hát ống*); người Sán Chay nhánh Cao Lan có hát Sình Ca và các làn điệu dân ca nghi lễ (Mo, sliên, cúng) trong hoạt động tập quán xã hội và tín ngưỡng của các dân tộc.

+ *Dân vũ:* Người Nùng, Tày có múa chầu, siên tâng, Múa Kỳ lằn/loòng phụ/phụ mèo (múa sử tử), múa chèo hiếu;

+ *Dân nhạc:* Người Tày, Nùng có đàn tính, xóc nhạc (bộ mạ, ngựa); người Mông có Kèn Lá, người Dao có kèn Pí Lè (nọm dặt) và trống, chiêng, thanh la, chũm chọe, chuông, tù và...sử dụng trong tập quán xã hội của các dân tộc trên địa bàn tỉnh.

Trong đó có 02 di sản thuộc loại hình nghệ thuật trình diễn dân gian nhận đưa vào danh mục di sản văn hóa phi vật thể Quốc gia là: hát sli dân tộc Nùng và múa sử tử mèo (phụ mèo/loỏng phụ/ky lằn) dân tộc Tày, Nùng.

Bảng. Số lượng các đội sư tử trên địa bàn các huyện, thành phố

Huyện thành phố	Số đội	Số thành viên	Phân bố tại xã, phường, thị trấn	Số nghệ nhân có khả năng truyền dạy	Số nghệ nhân có khả năng làm đạo cụ	Số nghệ nhân có thể làm lễ, cúng
Bắc Sơn	01	16	01 xã (Xã Vũ Lăng)	0	0	0
Bình Gia[12]	12/30	186/310	08 xã, thị trấn (Xã Hoa Thám, Thiện Thuật, Quang Trung, Minh Khai)	11/59	0/4	10

[11] Có 01 Lễ hội (Phài Lừa, xã Hồng Phong) được đưa vào danh mục quốc gia nhưng không nằm trong phạm vi vùng CVĐC theo điều chỉnh mới

[12] Tính hết các xã, thị trấn trong toàn huyện Bình Gia có: 30 đội múa, 310 thành viên, 11 nghệ nhân có khả năng truyền dạy, 4 nghệ nhân có khả năng làm đạo cụ

Huyện thành phố	Số đội	Số thành viên	Phân bố tại xã, phường, thị trấn	Số nghệ nhân có khả năng truyền dạy	Số nghệ nhân có khả năng làm đạo cụ	Số nghệ nhân có thể làm lễ, cúng
Văn Quan	11	82	08 xã, thị trấn (Tú Xuyên, Hữu Lễ, Tân Đoàn, Điềm He, An Sơn, Lương Năng, Trấn Ninh, thị trấn Văn Quan)	09	03	03
Lộc Bình	01	12	01 xã (Xã Đồng Bục)	03	0	0
Cao Lộc[13]	15/20	260/345	07 xã (Xã Gia Cát, Hải Yến, Tân Liên, Lộc Yên, Cao Lâu, Hòa Cư, Thạch Đạn)	39/56	37/48	0
Hữu Lũng	01	12	01 xã (Xã Đô Lương)	01	0	01
Chi Lăng	0	0	0	0	0	0
TP Lạng Sơn	0	0	0	0	01	0
Tổng cộng	**51**	**689**	**27 xã, thị trấn**	**66**	**35**	**14**

Nguồn: Báo cáo Tổng hợp Đề tài khoa học "Nghiên cứu, bảo tồn, phát huy giá trị một số loại hình di sản văn hoá phi vật thể trong vùng Công viên địa chất Lạng Sơn, tr.99

Về tập quán xã hội và tín ngưỡng: Bên cạnh những lễ, tiết trong năm những nghi thức, nghi lễ vòng đời vừa có phần tương đồng, vừa có phần khác biệt nhất định, cộng đồng các dân tộc Vùng Công viên địa chất Lạng Sơn đã đang bảo lưu, trao truyền một số loại hình, tiêu biểu như: thực hành Then của người Tày, Nùng; thực hành tín ngưỡng thờ mẫu người Kinh; lễ sinh nhật người Nùng; Lễ Bàn Vương người Dao, Lễ Cấp sắc thầy Tào, Mo… trong đó có 01 loại hình là di sản văn hóa đã được công nhận đưa vào danh mục di sản văn hóa phi vật thể Quốc gia *(Then Tày, Nùng Lạng Sơn);* 02 loại hình được UNESCO ghi danh là di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại *(gồm thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu Tam Phủ của người Việt; thực hành Then Tày, Nùng Thái Việt Nam).*

Về nghề thủ công truyền thống: Có nhiều nghệ thủ công truyền thống tiêu biểu như: làm ngói âm dương ở xã Bắc Quỳnh huyện Bắc Sơn, Cao Khô ở Vạn Linh huyện Chi Lăng, chợ Bãi huyện Văn Quan…một số nghề thủ công truyền thống khác.

[13] Tính hết các xã, TT trong toàn huyện Cao Lộc có: 20 đội múa, 345 thành viên, 56 nghệ nhân có khả năng truyền dạy, 48 nghệ nhân có khả năng làm đạo cụ

Về ngữ văn dân gian: Cơ bản hội tụ đầy đủ các loại hình văn xuôi tự sự từ truyền cổ tích*(Truyện Cẩu Khay,Truyện Già dìn, Truyện Thạch Sanh; Sự tích Thạch Sùng, Vua Nghiêu Vua Thuấn)* truyền thuyết*(Kỳ tích Chi Lăng)*, câu nói văn vè *(thành ngữ, tục ngữ...)*, thơ ca trữ tình nghi lễ *(Lưu Bình - Dương Lễ, Tống Trân - Cô tử (Tống Trân - Ngọc Hoa), Lượn Sơn Bá - Anh Đài...)*, thơ ca trữ tình phi nghi lễ…và các loại hình liên quan khác.

Về tiếng nói, chữ viết: Bên cạnh tiếng nói, ngôn ngữ truyền thống của dân tộc được sử dụng trong đời sống giao tiếp, sinh hoạt hàng ngày hiện nay trong cộng đồng vẫn sử dụng chữ viết cổ như: Nôm Tày, Nôm Dao…sử dụng trong các hoạt động, tập quán xã hội, tín ngưỡng ở địa phương.

Về tri thức dân gian: Tương đối đa dạng ở các loại hình từ ẩm thực *(lợn quay, vịt quay, khau nhục, phở chua…)*; trang phục truyền thống (các dân tộc Tày, Nùng, Dao, Mông, Cao Lan), y dược học cổ truyền, lao động sản xuất…và các tri thức dân gian tiêu biểu khác.

3. GIÁ TRỊ CỦA CÁC LOẠI HÌNH DI SẢN TRONG CÔNG VIÊN ĐỊA CHẤT LẠNG SƠN

Di sản văn hóa là tài sản vô cùng quý giá của đất nước, của dân tộc, là chất liệu gắn kết cộng đồng dân tộc, là cơ sở để sáng tạo những giá trị tinh thần mới và giao lưu văn hóa quốc tế. Mỗi một quốc gia hay một dân tộc trong quá trình hình thành và phát triển nhất thiết phải tạo dựng cho mình những giá trị riêng. Những giá trị này được bồi đắp, kết tinh thành hệ thống tinh hoa văn hóa, từ đó tạo nên bản sắc tộc người, bản sắc dân tộc và quốc gia. Bản sắc này là nền tảng, điểm tựa cho phát triển ở mọi thời đại, tạo ra sự ổn định lâu dài cho quốc gia, dân tộc đó có giá trị trong công tác giáo dục tri thức, hình thành nhân cách con người. Trong những năm qua, thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa VIII về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, Nghị quyết số 33-NQ/TW, ngày 09/6/2014 Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương 9 khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước… Đặc biệt là tinh thần, quan điểm chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại Hội nghị văn hóa toàn quốc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng *(ngày 24/11/2021)* với nội dung chính: *"Quan tâm hơn nữa đến việc bảo tồn, tôn tạo và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc, các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể của các vùng, miền, của đồng bào các dân tộc, kết hợp với tiếp thu tinh hoa văn hóa của thời đại. Phát triển "sức mạnh mềm" của văn hóa Việt Nam, góp phần nâng cao sức mạnh tổng hợp quốc gia trong thời gian tới... tiếp tục nâng cao nhận thức và năng lực lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước trên lĩnh vực văn hóa để đáp ứng yêu cầu phát triển văn hóa, xây dựng con người Việt Nam trong thời kỳ phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng..."*. Di sản văn hóa là một phần quan trọng góp phần làm nên đặc trưng văn hóa của các tộc người ở Lạng Sơn.

3.1.Giá trị văn hoá lịch sử của các loại hình di sản văn hoá trong Công viên địa chất Lạng Sơn

Di sản văn hóa là một phần quan trọng góp phần làm nên đặc trưng văn hóa của các tộc người ở Lạng Sơn. Từ các giá trị và sự tham gia của các bên liên quan trong việc bảo tồn, phát huy các giá trị Di sản văn hóa của các tộc người tại đây trong bối cảnh Công viên địa chất Lạng Sơn được UNESCO ghi danh là công viên địa chất toàn cầu. Trong những năm qua, công cuộc bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa của tỉnh Lạng Sơn đã đạt được nhiều thành tựu khả quan, góp phần bảo vệ, lưu giữ, trao truyền các giá trị văn hóa của quá khứ. Theo Báo cáo kết quả khảo sát sơ bộ về tiềm năng và triển vọng Công viên Địa chất toàn cầu ở tỉnh Lạng Sơn do Trung tâm Karst và Di sản Địa chất, Viện ĐCKS phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và UBND một số huyện của tỉnh Lạng Sơn thực hiện gần đây, tỉnh Lạng Sơn có nhiều giá trị giá trị khảo cổ học và văn hoá lịch sử quan trọng.

Giá trị khảo cổ học

Về giá trị khảo cổ học, tỉnh Lạng Sơn có nhiều di chỉ khảo cổ có giá trị như ở Mai Pha, hang Thẩm Khuyên, Thẩm Hai, Kéo Lèng, Phai Vệ, nền văn hóa Mai Pha, nền văn hóa Bắc Sơn..., chứng minh rằng đây là một trong những chiếc nôi của người Việt cổ thời sơ sử, tiền sử. Các nhà khảo cổ học đã phát hiện được nhiều di vật có giá trị, trong đó có khu đền cổ và hầm mộ Cự Thạch (mộ và đền thờ đá lớn), nằm trong một khu vực rộng tới gần 1.000m^2 ở khu linh địa cổ Mẫu Sơn.

Theo các chuyên gia Viện Khảo cổ học Việt Nam, kiểu kiến trúc mộ đá này thuộc dạng Dolmen đã được phát hiện nhiều nơi ở Việt Nam và Châu Á, như ở Cự Thạch (Vũ Xá, Lục Nam, Bắc Giang), trên sườn núi Lạn Kha (xã Phượng Hoàng, huyện Tiên Sơn, Bắc Ninh)..., được xếp vào giai đoạn văn hóa Đông Sơn (cách đây trên dưới 2.500 năm, sơ kỳ đồ sắt). Điều này chứng tỏ rằng trên đỉnh núi cao 1.190 m Mẫu Sơn cũng là vùng phân bố của nền văn minh sông Hồng - mở đầu cho kỷ nguyên dựng nước trong lịch sử dân tộc Việt Nam.

Vùng Công viên địa chất Lạng Sơn có nhiều di chỉ khảo cổ có giá trị tiềm năng mang tầm quốc tế: Đá trầm tích biển từ 250 triệu năm trước cùng với các hóa thạch (cá, lươn, động vật có xương sống) là cơ sở của nhiều công bố khoa học quốc tế; Trũng Na Dương, huyện Lộc Bình (một địa điểm độc đáo tương ứng với môi trường nước hồ 30-20 triệu năm trước, hệ động vật khổng lồ (cá sấu, rùa, kỳ đà), nơi được mô tả trên nhiều ấn phẩm quốc tế); tại hang Thẩm Hai các nhà Khảo cổ học đã phát hiện 01 mảnh xương trán và 02 mảnh xương hàm của người Homo Spiens (Người Khôn ngoan sớm) có niên đại cách ngày nay 470.000 – 250.000 năm; 09 chiếc răng người Homo Erectus (Người đứng thẳng), 01 chiếc răng người vượn khổng lồ (Gigantopithecus) tại hang Thẩm Khuyên; 01 mảnh xương sọ người tiền sử, 01 chiếc răng gấu tre, 01 hàm răng của người Hoiosapiens có niên đại cách ngày nay 30.000 năm tại hang Kéo Lèng; các hiện vật thuộc văn hóa Bắc Sơn (di cốt người, dấu Bắc Sơn, rìu đá…), chứng minh rằng vùng Công viên địa chất Lạng Sơn là một trong những chiếc nôi của người Việt cổ.

Giá trị văn hoá lịch sử

Di sản văn hóa trong vùng Công viên địa chất Lạng Sơn là tài sản vô cùng quý giá của quốc gia, là chất liệu gắn kết cộng đồng dân tộc, là cơ sở để sáng tạo những giá trị tinh thần mới và giao lưu văn hóa quốc tế. Mỗi một quốc gia hay một dân tộc trong

quá trình hình thành và phát triển nhất thiết phải tạo dựng cho mình những giá trị riêng. Những giá trị này được bồi đắp, kết tinh thành hệ thống tinh hoa văn hóa, từ đó tạo nên bản sắc tộc người, bản sắc dân tộc và quốc gia. Bản sắc này là nền tảng, điểm tựa cho phát triển địa phương ở mọi thời đại, tạo ra sự ổn định lâu dài cho quốc gia, dân tộc.

Trong lịch sử dựng nước và giữ nước của Việt Nam, Lạng Sơn ghi dấu công lao của các vị anh hùng với những sự kiện, những chiến công hiển hách còn mãi lưu danh trong lịch sử dân tộc. Khu di tích lịch sử Chi Lăng từ mỏm núi Lạng Lắc (Mai Sao) đến cầu suối Lân - sông Hóa với các di tích gắn liền với những chiến công hiển hách, những sự kiện trọng đại của dân tộc như: Làng Coóc, Đông Mồ, Làng Lìu, núi Ngọc, núi Quỷ, Ải Chi Lăng (Quỷ Môn Quan), Bãi Hào, núi Phượng Hoàng, Đấu Đong Quân, Quán Bầu, núi Kỳ Lân, núi Mã Yên, Lân Giao, Thành Kho, Vực Bơi, núi Bàn Cờ, Đồng Bành, dốc Ba Tài... là những kỳ tích chống các thế lực xâm lược phương Bắc từ Tống, Nguyên - Mông đến Minh, Thanh... Hiện nay, khu di tích lịch sử Chi Lăng đã được xếp hạng Quốc gia đặc biệt, theo quyết định số 1954/QĐ-TTg, ngày 31/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ.

Trên mảnh đất Lạng Sơn còn lưu dấu nhiều di tích cách mạng trong thời kỳ chống Pháp như: Khu di tích chiến thắng Đường 4, khu lưu niệm đồng chí Hoàng Văn Thụ, tiêu biểu là khu di tích lịch sử khởi nghĩa Bắc Sơn đã được xếp hạng Quốc gia đặc biệt vào ngày 22/12/2016 theo quyết định số 2499/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Tại đây, ngày 25/9/1940 một số đồng chi thoát khỏi nhà tù Lạng Sơn về cùng các đồng chí sở tại họp tại đình Nông Lục (Hưng Vũ) quyết định Bắc Sơn khởi nghĩa. Ngày 16/10/1940, đội du kích Bắc Sơn được chính thức thành lập tại Vũ Lăng. Ngày 23/2/1941 tại căn cứ Khuổi Nọi, xã Vũ Lễ, đội Cứu quốc quân I chính thức được thành lập. Ngày nay đi qua đường Bắc Sơn đến trường Vũ Lăng là rất nhiều các di tích như: đình Nông Lục, đồn Mỏ Nhài, Bò Tát, đèo Thâm Thôong – Dập Dị, đèo Tam Canh, Khuổi Nọi, Lân Pán, Lân Táy – Mỏ Pia... nơi mà các đội du kích, cứu quốc quân I, cùng quần chúng cách mạng từ 27/9/1940 đến tháng 8/1945 đã làm cho thực dân Pháp cùng phát xít Nhật khiếp sợ.

3.2.Giá trị kinh tế của các loại hình di sản văn hoá trong Công viên địa chất Lạng Sơn

Trong quá trình xây dựng và phát triển văn hóa, nhất là trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế cùng với cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư diễn ra mạnh mẽ trên quy mô toàn cầu thì khai thác di sản văn hóa để phát triển du lịch là xu thế chung của thế giới hiện nay. Trong xu thế đó di sản văn hóa truyền thống của cộng đồng các dân tộc trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn nói chung, vùng Công viên địa chất Lạng Sơn nói riêng là tài nguyên du lịch có sức hấp dẫn mạnh mẽ, là động lực thu hút ngày càng nhiều khách tham quan trong và ngoài nước đến với Lạng Sơn, là nền tảng quan trọng để phát triển kinh tế du lịch, là sản phẩm văn hóa tiêu biểu trong việc định vị hình ảnh, xây dựng thương hiệu du lịch Lạng Sơn bên cạnh các yếu tố về hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật, nguồn nhân lực... và các thành tố liên quan khác. Nhiều di sản văn hóa vật thể và phi vật thể của tỉnh đã và đang phát huy vai trò, tiềm năng, thế mạnh trong việc quảng bá hình ảnh quê hương xứ Lạng, góp phần phát triển kinh tế du lịch, thu hút du

khách, các nhà đầu tư đến Lạng Sơn tìm hiểu, khám phá và lựa chọn cơ hội đầu tư.

Cân đối, hài hòa giữa bảo tồn di sản với phát triển kinh tế - xã hội là khuynh hướng được tỉnh Lạng Sơn quan tâm. Di sản văn hóa là tài sản vô giá của một địa phương, của một dân tộc. Chúng phản ánh sâu sắc nhất về đặc trưng, về cội nguồn văn hóa của từng địa phương, dân tộc. Từ những giá trị vô giá ấy mà di sản văn hóa trở thành một bộ phận đặc biệt trong cơ cấu tài nguyên du lịch. Việc phát huy các giá trị di sản văn hóa sẽ thu hút mạnh mẽ khách du lịch trong và ngoài nước đến với di sản, giúp cho ngành du lịch phát triển bền vững, giúp cho nền kinh tế của địa phương ổn định. Ngược lại, để du lịch phát triển bền vững thì những giá trị văn hóa phải được nuôi dưỡng, bồi đắp, luôn được tỏa sáng thật sự. Mối quan hệ giữa bảo tồn và phát huy luôn được gắn kết với nhau. Bảo tồn phải giữ gìn được giá trị của di sản và khai thác, phát huy phải đáp ứng lại việc bảo tồn theo một quy trình *bảo tồn → phát huy → bảo tồn*. Việc khai thác quá mức tài nguyên du lịch này sẽ dẫn đến cạn kiệt và đánh mất giá trị di sản và dẫn đến sự phát triển không bền vững.

Kinh tế và văn hóa là hai yếu tố tương tác, phụ thuộc, bổ sung cho nhau. Hoàn toàn có thể khai thác khía cạnh kinh tế của di sản văn hóa để tạo động lực cho phát triển và di sản văn hóa cần được nhìn nhận như một bộ phận hữu cơ trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Thực tiễn trên cho thấy, bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa trong phát triển du lịch di sản là vấn đề quan trọng và là yêu cầu cấp bách trong phát triển kinh tế - xã hội. Để thực hiện được "mục tiêu kép", vừa phát triển du lịch, vừa bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa, trước tiên cần xác định rõ quan điểm phát triển du lịch theo hướng bền vững, đó là đáp ứng đồng thời yêu cầu về kinh tế - xã hội và môi trường, bảo đảm hài hòa lợi ích của các chủ thể tham gia hoạt động du lịch, không làm tổn hại đến khả năng đáp ứng nhu cầu về du lịch trong tương lai. Du lịch phát triển bền vững cần phải dựa theo 4 trụ cột: văn hóa - môi trường - xã hội - kinh tế.

Kết luận

Di sản văn hóa là một phần quan trọng góp phần làm nên đặc trưng văn hóa của các tộc người ở Lạng Sơn. Với diện tích chiếm gần 2/3 diện tích toàn tỉnh, vùng Công viên địa chất Lạng Sơn có thể xem là nơi hội tụ của nhiều giá trị di sản văn hoá quan trọng. Điều này không chỉ góp phần làm nên bức tranh đa màu sắc của 07 dân tộc sinh sống nơi đây mà còn bao hàm nhiều giá trị văn hoá lịch sử và kinh tế quan trọng khác. Đây chính là tài sản vô giá và nguồn tài nguyên để kiến tạo những sinh kế mới bền vững cho các cộng đồng dân tộc trong Công viên địa chất Lạng Sơn.

Trải qua thời gian về cơ bản di sản văn hóa của các tộc người ở đây vẫn luôn được bảo tồn một cách tự nhiên trong đời sống của người dân, tuy nhiên cũng không tránh khỏi nguy cơ mai một trong chính cộng đồng sản sinh ra nó. Trước thực trạng, việc bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa của các tộc người ở trong vùng Công viên địa chất Lạng Sơn đã và đang đặt ra những vấn đề cần tiếp tục thảo luận, chẳng hạn như vấn đề nhận diện các giá trị và sự tham gia của các bên liên quan trong việc bảo tồn, phát huy các giá trị di sản văn hóa của các tộc người tại đây, đặc biệt là khi Công viên địa chất Lạng Sơn được UNESCO ghi danh là công viên địa chất toàn cầu trong những năm tới. Công việc này đòi hỏi sự đóng góp công sức, trí tuệ của của nhiều thành phần

khác nhau, trước hết là của người dân với tư cách là chủ thể văn hóa, tiếp nữa là của nhà khoa học với tư cách là nhà tư vấn chính sách và quyết định, doanh nghiệp với tư cách người đồng hành kết nối tạo sinh kế, biến di di sản thành tài sản và cuối cùng là của nhà quản lý với vị thế và vai trò là nhà hoạch định chính sách.